

Bản án số: 41/2021/HNGĐ - ST.

Ngày: 24 - 12 - 2021.

V/v “ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Phước.

2. Bà Trần Thúy Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Toại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 97/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lương Thị Trúc L, sinh năm 1999; Địa chỉ: Số 228, ấp Cái Đ, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lưu Trí D – Luật sư Văn phòng luật sư Nhựt V; địa chỉ: Số 351, đường Nguyễn Văn L, khóm 3, phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Hồ Văn V, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số 450/1, ấp Sóc D, xã Tân H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị Kim ; Địa chỉ: Số 450/1, ấp Sóc D, xã Tân H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 20/4/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Lương Thị Trúc L trình bày:

Vào năm 2018, bà và ông Vàng có kết hôn với nhau, kết hôn trên cơ sở do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng vào ngày 30/01/2018. Chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý

kiến trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, đời sống vợ chồng không hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Vàng.

Trong thời gian chung sống bà và ông Hồ Văn Vàng có một người con tên Lương Ngọc Phương V, sinh ngày 26/11/2018. Hiện nay đang sống với bà. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu ông Vàng phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu Lương Ngọc Phương V, sinh ngày 26/11/2018 đủ 18 tuổi.

Theo như đơn khởi kiện bà cho rằng trong quá trình chung sống bà và ông Vàng có tài sản chung gồm 07 chỉ vàng 24kara bao gồm 01 đôi bông tai 01 chỉ; 01 tấm lắc 03 chỉ; 01 sợi dây chuyền 03 chỉ. Tại phiên tòa hôm nay bà xin thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể bà xác định 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24kara là tài sản riêng của bà; tài sản chung có 05 chỉ vàng 24 kara bao gồm 01 tấm lắc 02 chỉ; 01 sợi dây chuyền 03 chỉ. Bà C đang quản lý số vàng này. Nay bà yêu cầu buộc bà C phải trả cho bà 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24kara là tài sản riêng và 2,5 chỉ vàng 24kara là tài sản chung; về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo như bản tự khai ngày 21/5/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Hồ Văn V trình bày:

Về thời gian, thủ tục kết hôn giống như lời trình bày của nguyên đơn. Nay trước yêu cầu của nguyên đơn ông có ý kiến như sau: Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà L; về con chung: Ông đồng ý giao con chung tên Lương Ngọc Phương V, sinh ngày 26/11/2018 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng và ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Trong quá trình chung sống ông và bà L có tài sản chung gồm 06 chỉ vàng 24kara bao gồm 01 đôi bông tai 01 chỉ, 01 tấm lắc 02 chỉ, 01 sợi dây chuyền 03 chỉ và hiện nay ông đang quản lý số vàng đồng ý chia cho bà L 03 chỉ vàng 24kara; về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo như bản tự khai ngày 21/5/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Bùi Thị Kim C trình bày:

Trước đây bà có quản lý dùm của ông Vàng, bà L số vàng 06 chỉ vàng 24kara bao gồm 01 đôi bông tai 01 chỉ; 01 tấm lắc 02 chỉ; 01 sợi dây chuyền 03 chỉ. Hiện nay, bà đã trả lại số vàng trên cho ông Vàng quản lý. Trong vụ án này, bà không có ý kiến gì.

- Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 43, khoản 1 Điều 56, Điều 59, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí tòa án.

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lương Thị Trúc L.

+ Về con chung: Giao con chung tên Lương Ngọc Phương V, sinh ngày 26/11/2018 cho bà L được trực tiếp nuôi dưỡng và ông Vàng phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật,

+ Về tài sản chung: Bà Lương Thị Trúc L được chia 3,5 chỉ vàng 24kara và ông Vàng được chia 2,5 chỉ vàng 24kara (quy ra tiền tại thời điểm xét xử).

+ Về nợ chung: Bà Lương Thị Trúc L và ông Hồ Văn Vàng xác định trong thời gian chung sống bà Lương Thị Trúc L và ông Hồ Văn Vàng không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Hồ Văn V, bà Bùi Thị Kim C mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp L các văn bản tố tụng của Tòa án như: Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Hồ Văn V, bà Bùi Thị Kim C.

[2] Trong quá trình chung sống bà và ông Vàng có tài sản chung gồm 07 chỉ vàng 24kara bao gồm 01 đôi bông tai 01 chỉ; 01 tấm lắc 03 chỉ; 01 sợi dây chuyền 03 chỉ và bà yêu cầu được chia 05 chỉ vàng 24kara bao gồm 01 đôi bông tai 01 chỉ và 04 chỉ. Tại phiên tòa bà xin thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể bà xác định 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24kara là tài sản riêng của bà; tài sản chung có 05 chỉ vàng 24 kara bao gồm 01 tấm lắc 02 chỉ; 01 sợi dây chuyền 03 chỉ. Bà yêu cầu buộc bà C phải trả cho bà 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24kara là tài sản riêng và 2,5 chỉ vàng 24kara là tài sản chung. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu của bà L không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên đối chiếu với khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về hôn nhân: Bà Lương Thị Trúc L và ông Hồ Văn Vàng có đăng ký kết hôn vào ngày 03/01/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng, huyện Long Phú. Hôn nhân của ông bà tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Lương Thị Trúc L và ông Hồ Văn Vàng là hợp pháp.

Bà Lương Thị Trúc L vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án xin được ly hôn với ông Hồ Văn Vàng. Xét yêu cầu của bà Lương Thị Trúc L Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng về những sinh hoạt trong cuộc sống. Từ khi nguyên đơn chính thức yêu cầu xin ly hôn cho đến nay, Tòa án đã gửi thông báo về việc thụ lý cho ông

Hồ Văn Vàng và giữa bà Lương Thị Trúc L, ông Hồ Văn Vàng từ khi sống ly thân vào năm 2020 cho đến nay nhưng hai bên không tìm biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và phù hợp với biên bản xác minh ngày 12/11/2021 về tình trạng hôn nhân giữa bà Lương Thị Trúc L, ông Hồ Văn Vàng của Tòa án nhân dân huyện Long Phú. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Hồ Văn Vàng đồng ý ly hôn với bà L. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Lương Thị Trúc L và ông Hồ Văn Vàng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lương Thị Trúc L được ly hôn với ông Hồ Văn Vàng.

[4] Về con chung: Tại phiên tòa bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Ngọc Phương V, sinh ngày 26/11/2018. Xét thấy, hiện nay cháu V đang sống với bà L; ông Vàng đồng ý giao con chung cho bà L được trực tiếp nuôi con và để ổn định cuộc sống, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Lương Ngọc Phương V, sinh ngày 26/11/2018 là có căn cứ.

Ông Vàng có quyền thăm nom cháu Lương Ngọc Phương V, sinh ngày 26/11/2018 không ai được cản trở theo khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Lương Thị Trúc L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Vàng trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lương Ngọc Phương V, sinh ngày 26/11/2018 theo khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa bà L yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi; ông V không đồng ý cấp dưỡng nuôi con vì cho rằng ông nuôi cha mẹ trên 60 tuổi. Xét thấy, việc cấp dưỡng là nghĩa vụ đóng góp tiền để nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người không còn sống chung với mình mà có quan hệ huyết thống. Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án nhận thấy cháu Lương Ngọc Phương V, sinh ngày 26/11/2018 là con chung của bà L, ông Vàng; cháu V là người chưa thành niên, hiện đang sống với bà L nên ông Vàng phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ theo quy định tại Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Mặt khác, bà L yêu cầu ông Vàng cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi và tại biên bản hòa giải ngày 21/5/2021 ông V thừa nhận ông hành nghề xe ba gác, bán cá dạo mức thu nhập 300.000 đồng/01 ngày và đang chung sống với cha mẹ không có khả năng lao động. Tuy nhiên, tại biên bản xác minh ngày 12/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Long Phú xác định ông V sống chung với cha mẹ nhưng hiện nay bà C còn khả năng lao động vì buôn bán chung với ông V. Do đó, căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của ông V và nhu cầu thiết yếu của cháu V. Căn cứ vào Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L về việc buộc ông Vàng cấp dưỡng nuôi cháu Lương Ngọc Phương V, sinh ngày 26/11/2018 mỗi tháng là 1.500.000 đồng là có căn cứ và cấp dưỡng hàng tháng, bắt đầu từ ngày 24/12/2021 (ngày xét xử sơ thẩm).

[6] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà L cho rằng trong quá trình chung sống cụ thể trong ngày cưới cha mẹ chồng có tặng cho 06 chỉ vàng 24kara bao gồm 01 đôi bông tai 01 chỉ; 01 tấm lắc 02 chỉ; 01 sợi dây chuyền 03 chỉ. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phản đối tình tiết trên của nguyên đơn nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án công nhận tình tiết này là sự thật.

Tuy nhiên, tại phiên tòa bà L yêu cầu bà C phải trả cho bà 01 đôi bông 01 chỉ vàng 24kara và yêu cầu chia 2,5 chỉ vàng 24kara (bà C có trách nhiệm trả số vàng này vì bà C đang quản lý). Trong quá trình giải quyết vụ án ông Vàng đồng ý chia cho bà L 03 chỉ vàng 24 kara bao gồm 01 đôi bông 01 chỉ vàng 24kara, 02 chỉ vàng 24 kara và ông sẽ có trách nhiệm trả số vàng trên. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy: Đối với 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24kara tuy là do cha mẹ chồng tặng cho trong ngày cưới nhưng đôi bông tai là nữ trang, gắn cho cô dâu, cho riêng cô dâu nên xem là tài sản riêng của bà L theo Điều 43 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Mặt khác, đối với số vàng 05 chỉ vàng 24kara bao gồm 01 tấm lắc 02 chỉ vàng 24kara; 01 sợi dây chuyền 03 chỉ 24kara là tài sản chung của bà L, ông Vàng và căn cứ vào hoàn cảnh gia đình hiện nay bà L đang nuôi con nhỏ, làm công nhân; ông Vàng cũng có thu nhập 300.000 đồng/01 ngày. Tuy nhiên, số vàng trên do cha mẹ chồng cho bà L, ông Vàng tặng cho trong ngày cưới nên công sức tạo lập số vàng này bị đơn nhiều hơn nhưng do bà L là người trực tiếp nuôi con, từ khi sinh cháu V ông Vàng không chăm sóc, chu cấp nuôi cháu V nên nhằm bảo vệ lợi ích chính đáng của bà L cần chia đôi số vàng trên là có căn cứ theo Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cụ thể bà L được chia 2,5 chỉ vàng 24kara và ông Vàng được chia 2,5 chỉ vàng 24kara. Tuy nhiên, bà L yêu cầu bà C phải trả số vàng trên nhưng theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định cụ thể bà C cho rằng hiện nay bà đã trả số vàng trên cho ông Vàng quản lý, ông Vàng thừa nhận quản lý số vàng trên và tại biên bản hòa giải ngày 21/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Long Phú bà L thừa nhận số vàng trên ông Vàng đang quản lý (bút lục 36). Mặt khác, giá vàng 24kara tại địa phương tại thời điểm xét xử là 5.250.000 đồng/01 chỉ.

Từ phân tích nêu trên đủ căn cứ Hội đồng xét xử xác định ông V đang quản lý số vàng trên và ông Vàng phải có trách nhiệm trả cho bà L số tiền 18.375.000 đồng (tương đương 3,5 chỉ vàng 24 kara) và ông V được chia số tiền 13.125.000 đồng (tương đương 2,5 chỉ vàng 24kara) là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về nợ chung: Không có và các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[8]. Về án phí: Bà Lương Thị Trúc L; ông Hồ Văn V phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí tòa án.

[9]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 43, khoản 1 Điều 56, Điều 59, khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82; khoản 2 Điều 83; Điều 110; Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Lương Thị Trúc L và ông Hồ Văn V được ly hôn.

2. Về con chung: Bà Lương Thị Trúc L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Lương Ngọc Phương V, sinh ngày 26/11/2018. Ông Hồ Văn V có quyền thăm nom cháu Lương Ngọc Phương V, sinh ngày 26/11/2018 không ai được cản trở.

Bà Lương Thị Trúc L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Hồ Văn V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lương Ngọc Phương V, sinh ngày 26/11/2018

3. Ông Hồ Văn V phải cấp dưỡng nuôi Lương Ngọc Phương V, sinh ngày 26/11/2018 mỗi tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng)/01 tháng cho đến khi cháu Lương Ngọc Phương V đủ 18 tuổi; thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm là ngày 24/12/2021

4. Về tài sản chung: Bà Lương Thị Trúc L được chia số tiền 18.375.000 đồng (Mười tám triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tương đương 3,5 chỉ vàng 24 kara và ông Hồ Văn V phải có trách nhiệm trả cho bà Lương Thị Trúc L số tiền 18.375.000 đồng (Mười tám triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tương đương 3,5 chỉ vàng 24 kara.

Ông Hồ Văn V được chia 13.125.000 đồng (Mười ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) (Tương đương 2,5 chỉ vàng 24kara). Ông Hồ Văn V đang quản lý số vàng trên.

5. Về nợ chung: Không có và các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lương Thị Trúc L phải chịu 1.218.750 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2019/0007757 ngày 04/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú. Như vậy, bà Lương Thị

Trúc L còn phải nộp 418.750 đồng (Bốn trăm mười tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hồ Văn V phải chịu 956.250 đồng (Chín trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

7. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự sơ thẩm.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Hưng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Long Phú;
- Tòa án tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu (HS, VP).

Dương Thị Thanh Hoa